

Bản án số: 47/2025/HC-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2025
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025 và ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1002/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3525/2024/QĐPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Cao Văn N**, sinh năm 1959 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số 636 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Toàn K, sinh năm 1975 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 16/10 Dân Chủ, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2023 tại Văn phòng công chứng Đặng Thị Thu, thành phố Vũng Tàu);

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu;

Cùng địa chỉ: Số 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu: Ông Vũ Hồng T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền số 3610/UBND-VP ngày 30/5/2023) – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu:

- Ông Lê Dương B¹, Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu – Có mặt;

- Ông Lê H, Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu;

Địa chỉ: Số 603 Nguyễn An Ninh, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường Nguyễn An Ninh: Ông Lê Tiến T¹, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963 – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 636 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

4. Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu và chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Cao Văn N và người đại diện hợp pháp của ông trình bày:

Vợ của ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị B là nhân viên Đại đội 17 Lữ đoàn 596 được Bộ Tư lệnh thông tin cấp 150 m² (chiều rộng 06 mét, dài 25 mét) theo Quyết định số 28/QĐ ngày 25/3/1990, vợ chồng ông đã cất nhà ở cho đến nay. Ông N, bà B đã được Sở Xây dựng đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 591/CNSH ngày 27/9/1991 kèm bản vẽ chủ quyền nhà thể hiện phần đất của ông bà chiều rộng 7,4 mét, dài 39 mét. Ông N, bà B được Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 568928, số vào sổ H-00306 ngày 17/3/2008 đối với diện tích

199,9 m², Thửa đất số 109, Tờ bản đồ số 01 phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 237570, số vào sổ CH-02007 ngày 10/02/2015, diện tích 199,9 m² đất ở đô thị.

Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 13285/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 13285*) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông N, bà B để thực hiện dự án cải tạo vỉa hè đường Trương Công Định nhưng không bồi thường về đất đối với diện tích đất thu hồi là 42,3 m².

Diện tích 42,3 m² thuộc Thửa đất số 33 tuy không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì nằm trong chỉ giới đường đỏ các trục đường chính theo Quyết định số 1322/QĐ-UBT ngày 11/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng ông N, bà B đã làm sân bê tông, quản lý, sử dụng diện tích này ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, việc sử dụng đất mặc dù không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm Ủy ban nhân dân Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo phê duyệt quy hoạch cụm nhà ở Lữ đoàn 596 (ngày 10/9/1991) và sử dụng trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt chỉ giới đường đỏ của đường Trương Công Định (ngày 11/12/1992) nên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên đủ điều kiện được bồi thường về đất quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 và Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ông N khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 8997/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 8997*) không chấp nhận khiếu nại của ông N.

Quyết định số 13285 và Quyết định số 8997 xác định diện tích 42,3 m² thu hồi có nguồn gốc do Nhà nước quản lý (thuộc quy hoạch lộ giới) nên không bồi thường về đất theo giá đất ở, không bồi thường tài sản gắn liền với đất là không đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Do đó, ông Cao Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 13285, Quyết định số 8997, buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu thực hiện công vụ: Bồi thường 42,3 m² theo giá đất ở, bồi thường tài sản gắn liền với đất (vật kiến trúc) tại thời điểm chi trả cho ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị B theo quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 1040/UBND-PTQĐ ngày 01/02/2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu và người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 568928 ngày 17/3/2008 cho ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B

diện tích 199,9 m² đất ở đô thị thuộc Thửa đất số 109, Tờ bản đồ số 01, phường Nguyễn An Ninh.

Diện tích đất ông N sử dụng là 268,6 m² (199,9 m² + 26,4 m² + 42,3 m²), trong đó diện tích nằm trong giấy chứng nhận là 199,9 m², diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận là 68,7 m².

Trong phần diện tích tăng thêm nằm ngoài giấy chứng nhận 68,7 m² thì:

- Diện tích 26,4 m² có hiện trạng là nhà nằm tại vị trí bên hông nhà giáp với đường hẻm 636 Trương Công Định do chủ sử dụng đất sử dụng lấn ra lộ giới.

- Nhà nước thu hồi 42,3 m² là đất có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, sau đó Lũy đoàn 596 cấp cho cán bộ. Bản đồ điều chỉnh quy hoạch khu nhà ở A97 của Sở Xây dựng cấp ngày 15/8/1997 thể hiện lộ giới xây dựng tính từ tim đường vào mỗi bên là 11,25 mét, lộ giới đường Trương Công Định là 24 mét.

Phần diện tích thu hồi 42,3 m² hiện trạng là sân xi măng do ông N xây dựng năm 2009 thuộc phần đất quy hoạch mở đường Trương Công Định và không nằm trong Giấy phép số 281/GPXD ngày 17/4/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp cho ông N, bà B. Việc sử dụng đất trên là do ông N, bà B lấn ra phần lộ giới quy hoạch mở đường.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Văn bản số 32/UBND-ĐC ngày 04/01/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Nguyễn An Ninh trình bày: Trên diện tích 42,3 m² đất thu hồi có sân bê tông do ông N xây dựng năm 2009 lấn ra phần lộ giới quy hoạch mở đường, không có giấy phép xây dựng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 79, Điều 89, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B;

- Huỷ Quyết định số 13285/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu;

- Huỷ Quyết định số 8997/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đơn khiếu nại của ông Cao Văn N;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường, hỗ trợ về đất và vật kiến trúc trên đất bị thu hồi theo quy định pháp luật cho ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của người khởi kiện với các căn cứ đã ghi trong đơn kháng cáo ngày 03/10/2024. Ông N, bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến 199,9 m² là đã vượt hơn diện tích được Lũy đoàn 596 cấp chỉ có 150 m². Phần diện tích 42,3 m² đất thu hồi không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông N, bà B lấn ra phần đất quy hoạch mở đường của Nhà nước quản lý, nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất.

Ông Đỗ Toàn K không đồng ý kháng cáo của người bị kiện, vì phần đất này ông N, bà B đã quản lý sử dụng ổn định, không vi phạm pháp luật về đất đai, không có tranh chấp từ năm 1991 là trước thời điểm Ủy ban nhân dân Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo phê duyệt quy hoạch cụm nhà ở Lũy đoàn 596 (ngày 10/9/1991) và sử dụng trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt chỉ giới đường đỏ của đường Trương Công Định (ngày 11/12/1992) nên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên đủ điều kiện được bồi thường về đất quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 và Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đảm bảo thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập họp lệ, người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, người bị kiện và bà Nguyễn Thị B có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ông Cao Văn N được giao Quyết định số 8997 vào ngày 21/7/2023 thì vào ngày 25/7/2023 ông Cao Văn N có đơn khởi kiện đối với các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu trong thời hạn chưa quá 01 năm, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Quyết định số 13285 đúng theo quy định tại Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 8997 được ban hành đúng theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

[4] Về nội dung:

[4.1] Dự án cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Định (đoạn từ đường Nguyễn An Ninh đến đường Lương Thế Vinh), thành phố Vũng Tàu nằm trong danh mục dự án có thu hồi đất tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật đất đai năm 2013;

[4.2] Biên bản kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 18/11/2020 thể hiện: Trên phần diện tích đất 42,3 m² là nền xi măng, một trụ sắt (đường kính 10 cm, cao 04 mét), 02 mái che di động và một đồng hồ nước. Quyết định số 13285 bồi thường đồng hồ nước trị giá 400.000 đồng, không bồi thường về đất đối với diện tích 42,3 m² và không bồi thường sân xi măng, trụ sắt và mái che di động;

Mặc dù ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B đã sử dụng đất liên tục từ trước khi có phê duyệt quy hoạch cụm nhà ở Lữ đoàn 596 (ngày 10/9/1991) và trước khi có phê duyệt chỉ giới đường đỏ của đường Trương Công Định (ngày 11/12/1992), nhưng phần diện tích 42,3 m² của ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B bị thu hồi không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B và cũng không nằm trong Giấy phép xây dựng số 281/GPXD ngày 17/4/2009, mà nằm trong phần đất quy hoạch mở đường của Nhà nước quản lý nên việc sử dụng phần đất này của ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B là lấn chiếm đất của Nhà nước, là vi phạm pháp luật về đất đai nên không đủ điều kiện để được bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định tại Điều 75 và Điều 92 Luật đất đai năm 2013. Bản án sơ thẩm cho rằng diện tích 42,3 m² đất của ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B bị thu hồi đã được ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp trước khi có quy hoạch lộ giới, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013, là không đúng quy định của pháp luật.

[4.3] Do việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 8997 bác khiếu nại của ông Cao Văn N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Án phí hành chính được xác định lại như sau:

- Ông Cao Văn N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn.

- Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

[7] Để xem xét tính hợp pháp của việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thì cần phải xem xét tính hợp pháp của việc thu hồi đất nên Quyết định số 13256/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất của ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị B là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện, nhưng Bản án sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Quyết định này là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2013. Tuy nhiên, việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất của vụ án, nên không nhất thiết phải hủy Bản án sơ thẩm vì lý do này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Cao Văn N về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu thực hiện công vụ: Bồi thường 42,3 m² theo giá đất ở, bồi thường tài sản gắn liền với đất (vật kiến trúc) tại thời điểm

chi trả cho ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị B theo quy định pháp luật và không chấp nhận về yêu cầu hủy các quyết định gồm:

- Quyết định số 13285/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Cao Văn N - Nguyễn Thị B, địa chỉ số 636 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo vỉa hè còn lại đường Trương Công Định (đoạn từ đường Nguyễn An Ninh đến đường Lương Thế Vinh), thành phố Vũng Tàu;

- Quyết định số 8997/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn N, địa chỉ số 636 đường Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu (lần đầu);

3. Ông Cao Văn N được miễn án phí hành chính sơ thẩm;

Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0002101 và Biên lai thu tiền số 0002102 cùng ngày 09/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công